

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHẠM THỊ LỆ THỦY

VAI TRÒ TẢN ĐÀ TRONG QUÁ TRÌNH
VẬN ĐỘNG CỦA VĂN XUÔI QUỐC NGŨ
ĐẦU THẾ KỶ XX

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60.22.34

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng, Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGUYỄN PHONG NAM**

Phản biện 1: **TS. TÔN THẮT DỤNG**

Phản biện 2: **TS. BÙI CÔNG MINH**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 25 tháng 5 năm 2013

Có thể tìm luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong dòng chảy lịch sử của văn học Việt Nam, Tản Đà - Nguyễn Khắc Hiếu là một trường hợp rất đặc biệt, một hiện tượng độc đáo trên văn đàn Việt Nam vào những thập niên đầu thế kỷ XX.

Bên cạnh mảng thơ mang đầy “hồn dân tộc”, sự nghiệp văn chương của Tản Đà cũng cần phải kể đến văn xuôi. Trong văn học Việt Nam, ông là một trong số ít những người đầu tiên lấy “mình” làm nhân vật trung tâm trong tác phẩm và ông cũng là văn sĩ chuyên nghiệp đầu tiên sống bằng lao động sáng tạo, bằng tài năng nghệ thuật của mình. Những tác phẩm văn xuôi tiêu biểu của Tản Đà có thể kể đến *Thề non nước* (truyện ngắn), *Giấc mộng con I* và *Giấc mộng con II* (tiểu thuyết), *Trần ai tri kỷ* (truyện ngắn),... Tản Đà là nhà văn chuyên nghiệp đầu tiên của văn xuôi Việt Nam.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về sự nghiệp văn chương của Tản Đà. Tuy nhiên, phần lớn các công trình bàn nhiều về thơ ca Tản Đà, rất ít các nghiên cứu về văn xuôi của ông, nếu có thì cũng dừng lại ở những nhận định, những bài viết sơ lược, không chuyên sâu. Chúng ta còn thiếu nhiều công trình nghiên cứu có quy mô, chất lượng về văn xuôi Tản Đà và những đóng góp của văn xuôi Tản Đà trong tiến trình hiện đại hoá nền văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Để có được cái nhìn toàn diện hơn về những đóng góp của Tản Đà đối với nền văn học Việt Nam thế kỷ XX nói chung và giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX nói riêng, chúng tôi đi vào nghiên

cứu đề tài "*Vai trò Tản Đà trong quá trình vận động của văn xuôi quốc ngữ đầu thế kỷ XX*" nhằm tiếp tục khẳng định vai trò của Tản Đà - người đã có công trong việc chuyển tiếp giữa hai nền văn học cổ điển và hiện đại.

2. Lịch sử vấn đề

- Năm 1918, trên báo Nam Phong, học giả Phạm Quỳnh đã có bài viết về Tản Đà với tiêu đề *Mộng hay mị*. Tác giả đã thể hiện một thái độ thân thiện, gần gũi nhưng hết sức kính trọng Tản Đà.

- Năm 1939 là năm mà các nhà nghiên cứu viết về ông nhiều nhất. Tất cả những bài viết đều có một điểm chung là ca ngợi về cuộc đời, sự nghiệp về tài năng và sự đóng góp của Tản Đà đối với văn chương nói chung, thi ca nói riêng.

- Hoài Thanh – Hoài Chân trong *Thi nhân Việt Nam* rất đề cao thơ ca Tản Đà, đánh giá rất đúng về vai trò của Tản Đà trong việc góp công xây dựng một nền thơ ca hiện đại.

- Với tiêu đề *Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu – Thân thế, sự nghiệp văn chương* (1958), Hà Như Chi đã có một bài viết khá công phu và xác đáng để đánh giá về Tản Đà.

- Trong cuốn giáo trình *Lịch sử văn học Việt Nam*, Nguyễn Đình Chú đặc biệt quan tâm đến phong cách Tản Đà và tính chất quá độ trong nghệ thuật thơ của ông.

- Tầm Dương với đầu đề *Tản Đà - khối mâu thuẫn lớn* cũng đã đặt ra nhiều vấn đề về văn thơ của Tản Đà, trong đó vấn đề đáng quan tâm nhất là những vấn đề thuộc về kỹ thuật văn chương của Tản Đà.

- Trần Đình Hượu cũng là một trong những người đã dành nhiều thời gian và công sức nghiên cứu về Tản Đà. Nhà nghiên cứu tỏ rõ sự trân trọng về những đóng góp to lớn của Tản Đà đối với văn chương nước nhà.

- Khi bàn về văn xuôi Tản Đà, có rất nhiều ý kiến khác nhau, tán dương có, phản đối có, chê trách có nhưng không thể phủ nhận rằng văn xuôi Tản Đà có đóng góp lớn trong tiến trình hiện đại hóa nền văn học Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX.

- Ngô Bằng Giục trong bài *Góp phần tìm hiểu Tản Đà* nhận xét: “Văn vần thì xưa nay chưa ai viết được nhiều lối như tiên sinh còn văn xuôi thì xuôi mà có thi điệu, đã ly lý lỗi lạc lại giải tưởng tư tưởng Đông Tây, cũng hay về phương diện nghệ thuật như văn vần mà lại còn bổ ích cho đời hơn văn vần về đường thực tế”.

- Nguyễn Tiến Lãng trong bài *Văn xuôi Tản Đà* đã nhận xét “Tôi dám quả quyết mà đáp rằng: giá trị văn xuôi của Tản Đà không kém gì văn vần của Tản Đà”.

- Trong cuốn *Giáo trình Văn học Việt Nam (2003)*, Nguyễn Phong Nam đã có một chương viết về *Cuộc đời và sự nghiệp văn chương; vai trò, vị trí của Tản Đà đối với lịch sử văn học dân tộc*. Đánh giá về vị trí của Tản Đà trong lịch sử văn học dân tộc, Nguyễn Phong Nam đề cập và luận bàn từ những nét có tính chất “cá tính” của Tản Đà như tính cách, lối sống, quan niệm tình yêu và kể cả cái “ngông” mà trời đã “phú” cho từ nhỏ...đến ảnh hưởng của ông đối với văn chương dân tộc; ảnh hưởng của nhà thơ đến lớp thi sĩ cầm bút đương thời cả về sáng tác và lối sống

Qua nghiên cứu, bước đầu chúng tôi có một số nhận xét chung như sau:

- Việc nghiên cứu về Tản Đà đã có nhiều thay đổi theo sự biến động thăng trầm của lịch sử - xã hội Việt Nam trong suốt thế kỷ qua. Sự quan tâm của các nhà phê bình nghiên cứu những năm gần đây và các nhà văn, nhà thơ qua các thời kỳ đã cho thấy rõ được vai trò của Tản Đà trong lịch sử văn học Việt Nam thế kỷ XX.

- Các công trình nghiên cứu về Tản Đà chủ yếu tập trung tìm hiểu, nghiên cứu về lĩnh vực thơ của ông. Rất ít công trình nghiên cứu về vai trò của Tản Đà trong văn xuôi đầu thế kỷ XX, vẫn còn nhiều vấn đề thuộc về tư tưởng, tài năng nghệ thuật của ông chưa được nắm bắt đầy đủ, nhất là mảng văn xuôi. Do đó, cần đặt ra vấn đề nghiên cứu dành cho lĩnh vực này một cách thoả đáng để có cái nhìn toàn diện hơn, có sự đánh giá đầy đủ hơn đối với Tản Đà. Đó là nội dung luận văn đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Các tác phẩm được tập trung khảo sát gồm: *Giấc mộng con I*; *Giấc mộng con II*; *Giấc mộng lớn*; *Thẻ non nước*; *Trần ai tri kỷ*.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích, đối chiếu.
- Phương pháp hệ thống
- Một số phương pháp bổ trợ khác.

5. Bố cục luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được triển khai trong ba chương:

Chương 1: Tản Đà trong bối cảnh văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX

Chương 2: Tản Đà – người mở đầu lối truyện “lịch sử - giả tưởng” trong văn xuôi quốc ngữ đầu thế kỷ XX

Chương 3: Tản Đà – người thể nghiệm một lối văn xuôi hiện đại

Chương 1

TẢN ĐÀ TRONG BỐI CẢNH VĂN HỌC VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

1.1. CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG TẢN ĐÀ

1.1.1 Cuộc đời

Tản Đà tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1889 tại làng Khuê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây, nay là thành phố Hà Nội. Lên ba tuổi thì bố qua đời; lên bốn tuổi thì mẹ bỏ nhà đi, ông được người anh cùng cha khác mẹ nuôi dạy, kèm cặp và nhiệt tình hướng vào con đường cử nghiệp. Tản Đà là người thông minh, hiểu sâu về Hán học và đa tài, nhưng lại không có duyên với khoa cử.

Đến năm 1915, lần đầu tiên tác phẩm của Tản Đà được ra mắt bạn đọc trên *Đông Dương tạp chí*, là cột mốc mở đầu trong sự nghiệp văn chương của Tản Đà. Năm 1916, ông lấy bút danh Tản Đà là tên ghép giữa núi Tản, sông Đà và chính thức chọn con đường của một người viết văn, làm báo chuyên nghiệp.

Từ năm 1937 là quãng thời gian khó khăn nhất của ông. Tuy nhiên với cốt cách của một nhà nho tài tử, ông luôn thể hiện một phong thái tự tại, ung dung, hào hoa ngay cả trong cơn túng quẫn. Ông mất năm 1939 tại Hà Nội.

1.1.2 Sự nghiệp sáng tác

- *Thơ ca Tản Đà*

Thơ là lĩnh vực quan trọng nhất trong sự nghiệp Tản Đà. Ông sáng tác rất nhiều thơ, nhiều thể loại. Năm 1916 ông xuất bản cuốn *Khởi tình con I*. Tiếp sau tác phẩm mở đầu này là một loạt các tác phẩm lần lượt ra đời như: *Giác mộng con I* (1917), *Giác mộng con II* (1932), *Khởi tình con II* (1918), *Khởi tình con III* (1932), *Lên sáu* (1919), *Lên tám* (1920), *Giác mộng lớn* (1928), *Thề non nước* (1932), *Tản Đà xuân sắc* (1934),...

Ngoài thơ tự sáng tác, thơ dịch của Tản Đà cũng được đánh giá rất cao. Những bài thơ lục bát dịch từ thơ Đường của Tản Đà thường được cho là hay hơn các bản dịch khác, có bài hay hơn cả nguyên tác, vì sự tự nhiên, không bị gò bó mà chuyển tải cả tâm hồn mình vào đó.

- *Văn xuôi Tản Đà*

Các tác phẩm tiêu biểu của Tản Đà gồm: *Giác mộng con I* (tiểu thuyết, 1917), *Thề non nước* (truyện ngắn, 1920), *Chuyện thế gian I và II* (1922-1924), *Giác mộng lớn* (nhật ký, 1932), *Giác mộng con tập II* (du kí, 1932), *Trần ai tri kỷ* (truyện ngắn, 1932), *Liệt nữ truyện* (1938), *Kiếp phong trần* (truyện ngắn) và một số tác phẩm khác. Văn xuôi Tản Đà đã đề cập đến nhiều vấn đề của xã hội đương thời, bằng một lối văn giàu tính nghệ thuật, hấp dẫn, sáng tạo, mới mẻ, có bản lĩnh, bản sắc riêng.

Đối với thể loại tiểu thuyết và truyện ngắn, Tản Đà cũng có những thử nghiệm bước đầu.

- *Các thể loại khác*

Tản Đà còn được coi là một trong số những nhà báo chuyên

nghiệp đầu tiên của nước ta. Tản Đà còn là người hoạt động rất tích cực trong lĩnh vực sân khấu. Những vở kịch ông soạn rất giàu chất văn học, có những vở tạo được tiếng vang như *Người cá*, *Tây Thi*, *Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai*, *Dương Quý Phi*.

1.2. TẢN ĐÀ TRONG LỊCH SỬ VĂN HỌC – BÁO CHÍ VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

1.2.1. Đặc điểm văn hoá - xã hội và văn học Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XX

- Đặc điểm văn hóa – xã hội đầu thế kỷ XX

Đầu thập kỷ 30 của thế kỷ XX, thực dân Pháp đã thực hiện ở Việt Nam hai cuộc khai thác thuộc địa, xã hội Việt Nam do đó cũng biến đổi theo. Nền văn minh vật chất mà phương tây đem đến cho xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX là nhân tố làm nên sự biến động diễn ra trong đời sống tinh thần. Tất cả lý tưởng thẩm mỹ của thời đại đã bị phá vỡ, thay đổi.

Năm 1915, thực dân Pháp và triều đình phong kiến bắt buộc phải bãi bỏ thi Hương ở Bắc Kỳ. Năm 1919 khoa thi Hội cuối cùng ở Huế đã kết thúc chế độ khoa thi cử phong kiến. Từ đây, trong các trường học, học sinh bắt đầu say sưa với văn hoá Pháp mà đặc biệt là văn học lãng mạn Pháp.

Có thể nói, lối sống đô thị hoá và sự tiếp xúc văn hoá phương Tây của một số tầng lớp dân chúng Việt Nam vào những năm 30 của thế kỷ này là tiền đề quan trọng cho xu hướng hiện đại hoá đời sống xã hội, trong đó có văn học. Ngoài ra, góp phần không nhỏ vào sự đổi mới của xã hội nói chung và văn nghệ nói riêng còn phải kể đến vai trò của báo chí.

Các cuộc đấu tranh yêu nước và phong trào cách mạng của nhân dân ta diễn ra rộng khắp. Điều này có tác động rất lớn đối với đời sống xã hội và nó chi phối mạnh mẽ đến quy luật vận động văn chương giai đoạn này.

- Đặc điểm văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX

Sự suy tàn của văn chương chữ Hán kéo theo sự suy tàn của văn chương chữ Hán Nôm. Lúc này nền văn học tồn tại cả cái cũ và cái mới, trong lịch sử văn học Việt Nam, đây là giai đoạn duy nhất có hiện tượng đan xen hai yếu tố cũ và mới trong sáng tác của một tác giả, có khi trong cùng một tác phẩm.

Ở giai đoạn đầu thế kỷ XX, do tiếp thu ảnh hưởng của văn học phương Tây, có nhiều tác giả viết tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch... Đó là những thể loại mới – thể loại văn học hiện đại.

Xu hướng văn học hiện thực cũng bắt đầu lộ diện trong giai đoạn này nhưng chưa thành một dòng, một trào lưu thật rành mạch. Xu hướng lãng mạn cũng phát triển khá mạnh và có nhiều thành tựu nổi bật.

Văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX là một giai đoạn văn học mang tính chất giao thời, chuyển tiếp giữa hai thời đại. Xét về quan niệm, về ý thức nghệ thuật có sự đan xen, chuyển tiếp giữa những quan điểm truyền thống và hiện đại.

1.2.2. Tản Đà - người mang “làn gió mới” cho văn học Việt Nam

Tản Đà đã làm nhiệm vụ là “chiếc cầu nối” giữa hai nền văn học mới và cũ, giữa quan niệm truyền thống Nho học và tư

tướng tiến bộ phương Tây. Trong khoảng 20 năm sự nghiệp sáng tác, ông đã viết hàng loạt tác phẩm với nhiều hình thức: thơ, văn, báo, dịch thuật, biên kịch, làm các bài hát cho các kiểu diễn xướng dân gian và ca kịch cổ truyền... Ở mặt nào ông cũng thể hiện được sự sắc sảo, có góc cạnh, độc đáo, tài hoa, tràn đầy tình cảm với con người và cuộc sống.

Với Tản Đà, ông đã tìm cho mình một lối đi riêng với những thể nghiệm riêng, không chỉ đổi mới về tư tưởng mà còn đòi hỏi sự đổi mới đồng bộ trên mọi phương diện văn học.

1.2.3. Những đóng góp nổi bật của Tản Đà đối với văn học, báo chí Việt Nam

Ông đã kế thừa một cách xuất sắc những quan niệm về mối quan hệ giữa văn chương và cuộc đời của các bậc tiền bối. Những thiên tùy bút, bút ký, tiểu phẩm của ông đề cập đến nhiều vấn đề của xã hội đương thời bằng một lối văn giàu tính nghệ thuật, hấp dẫn, sáng tạo, mới mẻ, có bản lĩnh, bản sắc riêng. Sự sáng tạo của Tản Đà đã trở nên một hành động có ý thức và khẳng định cá nhân góp phần thúc đẩy sự phát triển trong đời sống văn học, ít nhất cũng là về mặt số lượng.

Tản Đà là người đi đầu trong việc đổi mới, cách tân văn học nhà Nho một cách táo bạo và đã có những thành tựu cụ thể đáng được quan tâm, tiêu biểu trên cả lĩnh vực thi ca cũng như văn xuôi.

Chương 2

TẢN ĐÀ - NGƯỜI MỞ ĐẦU LỐI TRUYỆN “LỊCH SỬ - GIẢ TƯỢNG” TRONG VĂN XUÔI QUỐC NGŨ ĐÀU THẾ KỶ XX

2.1. THẾ GIỚI THỰC – MỘNG TRONG VĂN XUÔI TẢN ĐÀ

2.1.1. Không - thời gian được nhào nặn từ kinh nghiệm thực tế, từ kiến thức sách vở, từ những mơ mộng phiêu diêu...

Có thể nói Tản Đà là người đi đây đi đó nhiều nhất trong các nhà văn đương thời. Tản Đà đi và nhìn, suy ngẫm và trần trở, chiêm ngưỡng và thưởng thức. Chính những lần đi thực tế như vậy đã giúp Tản Đà thoát khỏi thực tại, để đến với những nơi xa xôi hàng ngàn dặm, xa tận dải ngân hà mà ông chưa một lần đặt chân tới qua ngòi bút của mình.

Tản Đà chỉ lấy tư liệu trên báo chí mà tả lại những nơi danh thắng trên thế giới rồi cuộc sống nơi Tiên giới không có thật, thế mà ông miêu tả sống động, hứng thú y như là chính mình đã từng đặt chân tới những nơi đó.

Tản Đà chỉ là người mở đầu cho phong trào thoát ly khỏi thực tại, tìm đến những chân trời mới, những không - thời gian mới được nhào nặn từ những kinh nghiệm, từ đời sống thực tế, từ kiến thức sách vở, từ những mơ mộng phiêu diêu để rồi các nhà thơ mới, các nhà văn giai đoạn sau đã kế thừa một cách triệt để.

2.1.2. Thế giới mộng ảo được biến thành hiện thực và được nhìn nhận bằng một cái nhìn gián cách.

Xuất phát từ quan điểm hiện thực cá nhân, từ chỗ không muốn thừa nhận trật tự xã hội tư sản cụ thể, Tản Đà cũng đã cho tâm hồn bay bổng vào những ước mơ xã hội chủ nghĩa không tưởng.

Từ nhãn quan hiện thực, Tản Đà thương xót tất cả những người bị xã hội tư sản dày vò. Cũng từ đây, Tản Đà đã xây dựng những ước mơ không tưởng về một xã hội tốt đẹp lý tưởng. Giấc mơ đại đồng thô sơ của Tản Đà đã hướng đến viễn cảnh: tất cả mọi người đều làm việc; tài sản là của chung và hưởng thụ theo nhu cầu; không còn tiền bạc.

Hình ảnh chủ nghĩa cộng sản trong lý tưởng Tản Đà về căn bản không phải là một hình thức xã hội sẽ có, trái lại, nó là một hình thức xã hội đã có. Để giải quyết sự bế tắc cho xã hội tư sản, Tản Đà đã muốn kéo lùi loài người trở về chế độ cộng đồng sinh sản nguyên thủy. Do đó, chúng ta vẫn trân trọng tinh thần nhân đạo và giá trị tố cáo xã hội tư sản trong chủ nghĩa cộng sản không tưởng của Tản Đà.

2.2. HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT “LỊCH SỬ” - GIẢ TƯỢNG TRONG VĂN XUÔI TẢN ĐÀ

2.2.1. Những danh nhân lịch sử - văn hóa trong văn Tản Đà

- Những danh nhân lịch sử - văn hóa

Tản Đà là người yêu nước sâu sắc. Trong văn xuôi Tản Đà, những danh nhân lịch sử, văn hóa xuất hiện không nhiều, nhưng

luôn để lại dấu ấn sâu đậm, nhất là sự nể phục, kính trọng từ đáy lòng của Tần Đà đối với các bậc tiền nhân.

Với những anh hùng vô danh đã cống hiến cả sinh mạng mình cho Tổ quốc, Tần Đà luôn có lòng ngưỡng mộ, tôn kính. Ông ca tụng những anh hùng liệt sĩ đã hy sinh tính mạng cho sự sống của Tổ quốc trong bài *Nói về liệt đại anh hùng nước ta*. Riêng đối với những phụ nữ có công lớn trong lịch sử chống ngoại xâm như Trưng Trắc, Trưng Nhị, Triệu Thị Trinh,.. Tần Đà càng tỏ lòng cảm phục.

Trong cuốn *Quốc sử huân mông* đó, Tần Đà đã có ý thức giáo dục cho nhi đồng lòng tự hào dân tộc và lòng yêu quý công lao gây dựng đất nước của các thế hệ cha ông.

- *Những hình tượng nhân vật hư cấu*

Văn xuôi Tần Đà có không ít những nhân vật hư cấu, không có thực như Ngọc Hoàng, chú Cuội, chị Hằng...Tần Đà đã thổi hồn vào những nhân vật này tính cách mới, làm cho họ trở nên sống động hơn bao giờ hết.

Cái hay của Tần Đà là thông qua hình ảnh các nhân vật hư cấu để nói về thực trạng làm báo lúc bấy giờ. Đó là cái tài của Tần Đà.

Dưới ngòi bút của Tần Đà, các nhân vật có cơ hội được tái sinh lần nữa, nhưng trên hết, đó chính là sự tái sinh của Tần Đà để ông được bày tỏ những quan điểm, những tâm tư tình cảm gói gọn trong đó. Nếu còn chán với thực tại, Tần Đà sẽ lại viết, sẽ lại mơ mộng.

2.2.2. Những giai nhân, những nhân vật văn chương trong văn của Tản Đà

- Hình tượng người tình của Tản Đà

Tản Đà đã yêu bốn người khác nhau: cô gái họ Đổ ở Hà Nội, cô gái con út tri phủ Vĩnh Tường, cô nữ sinh 13 tuổi ở thành phố Nam Định, cô đào Liên sắm vai Tây Thi trong vở *Cô Tô tàn phá* mà Tản Đà là soạn giả kiêm đạo diễn. Bốn mối tình của Tản Đà tiêu biểu cho những mẫu ái tình khác nhau của văn học lãng mạn tư sản từ Âu sang Á.

Mối tình với cô gái họ Đổ là mối tình đầu và là tình yêu tuyệt vọng, đây là loại tình yêu phổ biến trong văn học lãng mạn. Mối tình này đã làm ông đau khổ và tạo nên nhiều thi hứng, để làm nên những câu thơ đặc sắc.

Mối tình với người đẹp phủ Vĩnh Tường là một tình yêu đặc biệt lãng mạn, chưa hề có: yêu là vô vọng mà vẫn cứ yêu. Rõ ràng đây là “*yêu để mà yêu*” và đã được hương vị chia ly chua chát ngay lúc yêu nồng thắm nhất. Tản Đà viết về câu chuyện tình của mình cũng là viết về một tài hoa bạc phận.

Mối tình với cô gái 13 tuổi ở thành phố Nam Định là một chuyện ngây thơ, hồn nhiên pha màu dân dã. Cả hai đều ở thành phố nhưng tình cảm và diễn biến lại rất “*dân gian*”. Đó là tình cảm học sinh giữa một nữ sinh tiểu học và một nho sinh thi trượt lúc này đã bắt đầu hành trình lưu lạc giang hồ ghé qua Nam Định trong một mùa đông. Thật là đủ chất lãng mạn, mà cái lãng mạn này thơ văn xưa, nghệ sĩ xưa chưa thể có.

Còn tình yêu với cô đào Liên là một tình yêu nghệ sĩ, yêu nhau dưới ánh đèn sân khấu từ những vở kịch và khi cánh màn sân khấu buông xuống thì lễ khách Tản Đà lại khăn gói gió đưa và cô đào hát lại say mê sắm những vai kịch khác. Tây Thi là một hình tượng rất yêu thương của Tản Đà, và phải chăng ông yêu cô đào Liên cũng vì điều đó.

- Hình tượng giai nhân, kỹ nữ

Đối diện với tấn kịch nhân gian, Tản Đà tìm đến với những đề tài quen thuộc với chính ông và với truyền thống văn chương mà ông là người kế thừa: cuộc đời bạc mệnh của những người hồng nhan, số kiếp của người kỹ nữ. Tản Đà đã xây dựng nên những kỹ nữ, những giai nhân với số phận riêng.

Những hình tượng giai nhân, mà hầu hết đều đẹp, đều tinh anh nhưng đều u sầu và không gặp may mắn. Tản Đà hướng về các giai nhân với tất cả sự trân trọng, Tản Đà xót thương số phận những con người ấy bằng cả nỗi lòng thi sĩ, những cay đắng và thất bại trong đời mình.

Những giai nhân này là nơi Tản Đà gửi gắm tâm sự, mơ ước, khát khao về cuộc đời. Điều đó tạo nên cho hình tượng nhân vật này những nét tâm lý mới mẻ, nếu không muốn nói là xa lạ với quan điểm luân lý truyền thống. Những giai nhân này là những người tri âm tri kỷ mà Tản Đà tìm kiếm. Những người kỹ nữ trong văn xuôi Tản Đà đều mang cả vẻ đẹp hình thức và tâm hồn.

Thông qua hình tượng giai nhân, Tản Đà đã thể hiện nỗi thèm khát được đối thoại với người đời về cuộc đời, về cái đẹp, về chân lý. Trong hoàn cảnh xã hội thời Tản Đà, để nói lên những

khát khao ấy là điều không dễ. Các nhân vật của Tản Đà đều mang bóng dáng của những quan niệm Tản Đà về cuộc đời. Và cho dù nhân vật đó là ai, như thế nào thì đều được Tản Đà phác họa nên với đủ tính cách khác nhau và lồng vào đó các giá trị chân thực của xã hội đương thời bằng lối viết rất riêng và đặc sắc.

- *Chân dung tự họa trong văn xuôi Tản Đà*

Cái tôi cá nhân trong sáng tác của Tản Đà có nội hàm mới mẻ. Đó là một cái tôi đầy tinh thần tự tín, thậm chí đến mức cao ngạo. Một mặt, đó là cái tôi hăm hở nhập thế, ý thức tài năng và muốn đem tài năng đánh cuộc với cuộc đời sòng bạc và mong truy lĩnh từ cuộc đời nhưng một mặt đó là cái tôi của những khát vọng thanh cao xa lạ với xã hội tư sản. Đó cũng là mâu thuẫn giữa người phong lưu danh sĩ khát khao hưởng lạc và nhà tư tưởng đạo đức bảo thủ.

Các trạng thái sầu mộng, say, ngông là những trạng thái mà ta bắt gặp thường xuyên trong tác phẩm của ông. Trước thời cuộc và thực tế đắng cay mà mình nếm trải, Tản Đà đã tìm cho mình một lối đi riêng. Ông đã thả hồn mình trong *Giấc mộng con*, *Giấc mộng lớn*. Tản Đà làm một cuộc viễn du vòng quanh thế giới như cố tìm hiểu tận cội rễ cái mới mẻ của nền tân học.

Với Tản Đà, lần đầu tiên cái tôi cá nhân đã trở thành hình tượng trung tâm trong tác phẩm văn học. Tản Đà không còn đề cập đến con người cá nhân chung chung mà lấy chính cá nhân mình, cái tôi của mình làm đề tài, thậm chí làm nhân vật chính của tác phẩm.

Cái tôi tự họa của Tản Đà gắn liền với những nếm trải chân thực trong cuộc sống đầy cay đắng mà ông trải qua, vì thế trong những tác phẩm của mình, Tản Đà đều thể hiện sự day dứt và sầu mộng, với nỗi buồn và trăn trở về cuộc sống. Tản Đà đã mượn văn chương để sống với cái mộng, cái ngông của mình, xét cho cùng là để giải thoát cho cái tôi cá nhân.

Chương 3

TẢN ĐÀ - NGƯỜI THỂ NGHIỆM MỘT LỐI VĂN XUÔI HIỆN ĐẠI

3.1. TÍNH HIỆN ĐẠI TRONG VĂN XUÔI TẢN ĐÀ

3.1.1. Cốt truyện mới mẻ, hiện đại

Tản Đà lấy cảm hứng cốt truyện từ cuộc sống hàng ngày, nhưng ông thêm vào những yếu tố mới mẻ, hiện đại hơn, khiến độc giả không thấy nhàm chán, không thấy nó lặp lại trong những tác phẩm của các nhà văn khác. Tản Đà tìm đến với văn xuôi để phản ánh trọn vẹn và rõ nét cái thực tại của buổi giao thời, một thực tại pha tạp. Dưới ngòi bút của Tản Đà, những câu chuyện đời thường trở nên sống động hơn, tinh tế hơn với những sự kiện, biến cố ly kỳ, mang đậm chất kỳ ảo, huyền hoặc với một cốt truyện đơn giản mà bất kỳ độc giả nào cũng có thể đọc và hiểu dễ dàng.

Trong văn xuôi Tản Đà, độc giả nhìn thấy những cảnh núi non hùng vĩ, băng tuyết mênh mông, hoa nở trắng lên, thác cao đèo thẳm khắp năm châu bốn bể để rồi bao thế hệ người đọc phải thán phục mà thừa nhận rằng trí tưởng tượng của ông phong phú và cả vốn ngôn ngữ phong phú để diễn tả như thật những giấc mộng của đời ông.

Tản Đà tiếp tục đưa ta đến với một không gian yên tĩnh hơn, huyền diệu hơn, Tản Đà đã vẽ nên hình ảnh của một “cõi đời mới” của riêng mình, một thiên đường nơi hạ giới với những cảnh vật gần gũi, thân quen với làng quê Việt ngày xưa.

Sự huyền ảo, ma mị còn thể hiện trong tác phẩm *Thề non nước* của Tản Đà với cốt truyện hết sức độc đáo.

Có thể nói các tác phẩm văn xuôi của Tản Đà mang một màu sắc riêng, không lẫn lộn với bất kỳ nhà văn đương thời nào. Ở đó có sự mãnh liệt, đôi khi lại rất thơ mộng, và dù trong hoàn cảnh nào, nó cũng mang đến cho người đọc đôi chút tò mò, đôi chút nghi ngờ vì lẽ nó ly kỳ, vì lẽ nó rẽ ngoặt bất ngờ, nhưng trên hết, Tản Đà vẫn giữ cho mình một cốt truyện đơn giản vì số đông độc giả ông hướng đến là đa số tầng lớp quần chúng trong xã hội.

3.1.2. Năng lực tưởng tượng, hư cấu tuyệt vời

Sự sáng tạo ở Tản Đà đã trở nên một hành động có ý thức. Tản Đà là người thích mở rộng, có một trí tưởng tượng rất phong phú, điều đó không hề làm giảm giá trị phản ánh hiện thực xã hội và ý nghĩa phê phán của tác phẩm.

Tản Đà đã đưa người đọc du hành cùng mình qua biết bao nhiêu quốc gia, tới những nơi xa xôi nhất mà con người chưa đặt chân tới, nhưng trên hết, qua ngòi bút của Tản Đà, những nơi đó trở nên gần gũi, rất thực tế, không xa lạ với người đọc. Trí tưởng tượng về cõi Bồng lai của Tản Đà quả đã vượt xa tất cả những giấc mộng Bồng lai của các nhà văn cổ kim khác. Sau này, hồi tưởng lại giấc mơ độc nhất vô nhị đó, Tản Đà đã cho rằng bình sinh chưa khi nào được khoái cảm như vậy.

Trong vương quốc tưởng tượng của mình, Tản Đà còn vẽ ra những cuộc gặp gỡ, tương phùng với biết bao danh nhân, bao bậc kỳ tài: nói chuyện về cách làm báo trên thiên đình với cụ Hàn Thuyên; gặp Khổng Tử, nghe Ngài giảng sự đời; uống rượu với cụ Nguyễn Trãi đàm đạo chuyện thế gian đầy rẫy bất công...

Tản Đà tìm về với mảnh đất tưởng tượng ấy, nơi ông gieo

những mầm xanh cho riêng mình, nơi ông có thể tha hồ để trí tưởng tượng bay bổng đến hư không, nơi ông thấy ông được là chính mình. Và dù thế nào chăng nữa, cái thực tế, cái hiện thực vẫn không xa rời ông, Tản Đà đưa tất cả vào thế giới đó và nâng nó lên một tầm cao mới, tầm cao của riêng Tản Đà!

3.2. GIỌNG ĐIỀU, NGÔN NGỮ ĐỘC ĐÁO CỦA VĂN XUÔI TẢN ĐÀ

3.2.1. Lối văn kể chuyện, nặng về lối văn nói, khẩu ngữ

Chính ngôn ngữ bình dị, gần hơn với lời ăn tiếng nói hàng ngày đã giúp các tác phẩm của Tản Đà đến gần hơn với độc giả, đúng với mong muốn của Tản Đà khi ông chọn nghiệp văn là định mệnh đời mình. Tản Đà đã đưa ngôn ngữ đời thường dễ hiểu, dung dị mà vẫn rất nghệ thuật vào văn xuôi. Tản Đà đã cố gắng để mạch cảm xúc được phát triển tự nhiên, dù cỗi thực hay cỗi mộng Tản Đà đều lựa chọn ngôn ngữ bình dị, gần gũi với đời sống thường ngày với lối văn kể chuyện.

Không chỉ trong ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật mà cả trong văn miêu tả, lời thuật truyện của nhà văn cũng có những đặc sắc riêng của Tản Đà. Trong các tác phẩm của mình, Tản Đà đã chú ý sử dụng từ ngữ thật giản dị, đời thường, dễ hiểu, mang đậm phong cách kể chuyện, văn nói. Từ ngữ trong văn xuôi Tản Đà phần lớn nằm trong hệ thống tiếng Việt toàn dân và luôn giữ được chất bình dị tự nhiên.

Không chỉ riêng với ngôn ngữ, sự kết hợp độc đáo giữa ngôn ngữ bình dị và những giọng điệu khác nhau, lúc hóm hỉnh, dí dỏm, lúc pha chút châm biếm, lúc bất cần đời,... Chính điều đó đã

làm cho các tác phẩm văn xuôi của Tản Đà trở nên phổ quát hơn đối với công chúng.

Với Tản Đà, ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương và ngôn ngữ trong cuộc sống không còn khoảng cách như trước kia. Người đọc có cảm giác như được nghe chính tiếng nói của mình, được chia sẻ, được thông cảm. So với các thể hệ nhà văn trước, ngôn ngữ văn xuôi của Tản Đà gần hơn với hơi thở cuộc sống thường nhật. Điều đó lý giải tại sao độc giả đón nhận các tác phẩm của Tản Đà với tất cả sự háo hức, trân trọng. Cũng như các nhà văn cùng thời, Tản Đà đã phải mài dũa cái vỏ ngôn từ, đặt chúng vào những văn cảnh mới, tạo ra những sắc thái biểu cảm mới. Đó là đóng góp to lớn, là thành công đáng ghi nhận của Tản Đà.

3.2.2. Chất thơ trong văn xuôi Tản Đà

Làm nên thành công cho các tác phẩm văn xuôi của Tản Đà một phần nằm ở chất thơ đầy thi vị của ông. Tản Đà đã biến cái tưởng chừng quen thuộc, bình dị với bất kỳ ai thành những thứ bay bổng hơn, lãng mạn hơn, và nó làm cho ranh giới nhà văn và nhà thơ của Tản Đà trở nên mong manh hơn. Ta dễ dàng bắt gặp “chất thơ” trong nhiều tác phẩm của Tản Đà, điều mà các nhà văn đương thời khác khó mà bắt kịp.

Ở Tản Đà, ta cảm nhận được một tâm lòng thi sĩ giàu tình cảm, dễ xúc động và nhạy cảm qua những câu văn xuôi, những hình ảnh mà tác giả đưa ra, vẽ lên với một nỗi lòng tha thiết nhất, nhưng lại bằng một giọng văn khách quan nhất và đầy chất thơ.

Trước sự “hấp hối” của thể loại văn xuôi biên ngẫu so với các thể loại cách tân mới, Tản Đà không đi lại lối mòn của các nhà

văn khác, ông thêm vào đó cái hay, cái đẹp, cái chất nên thơ, khiến cho lối văn biền ngẫu trở thành “bình cũ rượu mới”.

Tản Đà đã là người đầu tiên tìm thấy cái thú khi thả mình vào những tình cảm nhẹ nhàng, thanh tao, mơ màng như thế. Tản Đà đã kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố thi ca để đưa vào văn xuôi, biến cái khô khan, cái nhạt nhẽo vốn có của văn xuôi trở nên thi vị hơn, giàu chất thơ hơn. Đọc những tác phẩm của Tản Đà, ta như thấy được cái không gian chảy tràn dòng suối thơ, ta hòa mình vào dòng suối đó để rồi quên mất ta đang đứng giữa “bờ thơ” hay “bờ văn xuôi”, bởi lẽ nó đã hòa vào nhau, làm nên nét riêng chỉ có ở Tản Đà.

KẾT LUẬN

Tản Đà là một nhà thơ, nhà văn lớn của văn học Việt Nam. Tiếp thu những cái hay, cái tinh túy của các trào lưu văn học du nhập vào Việt Nam đương thời, ông đã Việt hóa, nâng tầm nó lên một vị trí mới, đem “thứ văn chương” đó đến gần với độc giả hơn, với quảng đại quần chúng cần lao. Tản Đà là nhà văn đầu tiên sống bằng ngòi bút, dù “văn chương hạ giới rẻ như bèo”. Và cho dù có trải qua biết bao buồn đau, tuyệt vọng, Tản Đà vẫn không buông ngòi bút, trái lại, ông lại gắn bó với nó nhiều hơn, vì xét cho cùng, chỉ có nó mới giúp Tản Đà thoát khỏi những tình cảm bi lụy nơi thực tại để tìm đến với những chân trời mới, những khát khao mới vượt xa khả năng con người bằng xương bằng thịt có thể làm được.

Trong văn chương của Tản Đà, ta bắt gặp đâu đó một thế giới nửa hư, nửa thực, cũng có những cảnh quen thuộc của làng quê Việt. Và tất cả những điều đó đều được nhào nặn dưới đôi tay nghệ thuật của Tản Đà. Độc giả có cơ hội được gặp lại những bậc vĩ nhân trong lịch sử Việt Nam, những anh hùng đã nêu gương xả thân vì tổ quốc, được nghe các vị tiền nhân ấy tâm sự, khen chê sự đời của cái thời cuộc Tản Đà đang sống. Tản Đà muốn họ được sống ở một “Cõi đời mới”, nơi mọi thứ trở nên đầy đủ, sung túc hơn. Ở đó, con người được tự do đi lại, tự do chuyện trò, tự do trao đổi mua bán, không hề tồn tại cái ác, cái tham lam, cái dục vọng đê hèn nơi ấy. Con người trong văn xuôi Tản Đà là những con người của đời sống tình cảm phong phú, đa dạng chưa từng có, thể hiện qua “những người tình” của ông. Chẳng có nhà thơ, nhà văn nào có nhiều “tri kỷ” đến vậy như Tản Đà, ở đâu, bất kỳ

khi nào, ông cũng có những giai nhân để chuyện trò, đàm đạo, để chia sẻ cái u sầu của xã hội thời nát. Cái hay của ông là khiến chúng ta nghĩ rằng ông đa tình, ông có nhiều “mỹ nhân” bên mình nhưng thực ra ông chẳng có ai, chỉ “mình ta với ta mà thôi”.

Một điều không thể không nhắc đến khi nói về Tản Đà, đó là ngôn ngữ bình dân, bình dị kết hợp với một trí tưởng tượng tuyệt vời đã dẫn dắt người đọc đi khắp nơi, từ Âu sang Á, từ Bắc cực lên đến sông Ngân ngoài vũ trụ, cho người đọc được thỏa ước mơ bị giới hạn bởi sức người. Những chi tiết ly kỳ, kỳ ảo đến kỳ lạ, cốt truyện độc đáo nhưng vô cùng đơn giản. Bởi thế, bất kỳ ai, bất kể hạng người nào, khi cầm trong tay một tác phẩm của Tản Đà có thể đọc từ đầu đến cuối một cách say mê, không phải gián đoạn vì ngôn ngữ dễ hiểu, đời thường, gần với hơi thở cuộc sống.

Nhìn chung lại, sự nghiệp văn chương của Tản Đà đã là một tài sản quý báu của nền văn học Việt Nam. Dù ở thể loại nào, thi ca, văn xuôi, tản văn hay tiểu thuyết, Tản Đà đều để lại những dấu ấn riêng, không lẫn với bất kỳ nhà văn, nhà thơ nào. Trong cuộc hành trình ấy, dấu vẫn còn nhiều ý kiến khen, chê, tranh cãi nhưng không thể phủ nhận công lao của Tản Đà.